

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69^A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 35^A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 47^A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 235/2019/TB-TA ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 12/10/1983. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 0 thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Hwang Pal G**, sinh ngày 02/5/1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 32..., Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hwang Pal G quen nhau thông qua người quen giới thiệu, sau khi tìm hiểu 03 tháng thì kết hôn. Ngày 10/6/2009 đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị sang Hàn

Quốc đoàn tụ cùng anh Hwang Pal G nhưng vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác và khác biệt văn hóa. Anh Hwang Pal G không về nhà trong thời gian dài và cũng không liên lạc chị. Năm 2013 chị H về Việt Nam sinh sống. Từ đó đến nay chị và anh Hwang Pal G không liên lạc với nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2010. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hwang Pal G.

Về con chung, tài sản chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu cả chi phí ủy thác tư pháp, chi phí dịch thuật, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hwang Pal G hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua Bộ Tư pháp nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc thông báo kết quả không thực hiện được ủy thác với lý do "Người nhận không rõ ràng". Tòa án đã có các công văn số 75/2019/CV-TA ngày 11/3/2019 và công văn số 217/2019/TB-TA ngày 23/7/2019 đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc niêm yết và công bố trên cổng thông tin điện tử lịch làm việc và lịch phiên tòa 02 lần để thông báo cho anh Hwang Pal G. Đồng thời Tòa án cũng niêm yết và công bố trên cổng thông tin điện tử của Tòa án 02 lần để thông báo nhưng anh Hwang Pal G đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa không có lý do mà không có văn bản thể hiện quan điểm về việc ly hôn.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hwang Pal G. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hwang Pal G có quốc tịch Hàn Quốc. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng

đạt các văn bản tố tụng cho anh Hwang Pal G. Tòa án thành phố Cheongju, Hàn Quốc đã tiến hành tổng đạt vào các ngày 27/12/2018, 28/12/2018 và 31/12/2018 theo địa chỉ của anh Hwang Pal G do chị H cung cấp nhưng không tổng đạt được với lý do "Người nhận không rõ ràng". Chị H không cung cấp được địa chỉ khác của anh Hwang Pal G. Tòa án đã tiến hành niêm yết và công bố trên cổng thông tin điện tử của TAND tỉnh Hải Dương đồng thời đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc niêm yết và công bố trên cổng thông tin điện tử cơ quan để thông báo nội dung vụ án cũng như lịch làm việc, lịch phiên tòa cho anh Hwang Pal G. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 474, điểm c khoản 6 Điều 477 của BLTTDS nhưng anh Hwang Pal G vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Hwang Pal G là đúng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hwang Pal G tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H sang Hàn Quốc đoàn tụ cùng anh Hwang Pal G nhưng vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác và khác biệt văn hóa. Anh Hwang Pal G không về nhà trong thời gian dài và cũng không liên lạc chị. Năm 2013 chị H về Việt Nam sinh sống đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Xét thấy chị Hiền và anh Hwang Pal G chung sống trong thời gian ngắn, mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Hiền được ly hôn với anh Hwang Pal G là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Hwang Pal G không có văn bản thể hiện quan điểm nên nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H tự nguyện chịu cả chi phí ủy thác tư pháp, dịch thuật công chứng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228, Điều 474, điểm b khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Hwang Pal G.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0004300 ngày 05/9/2018. Chị Hiền đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Hwang Pal G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN